

# NGHIÊN CỨU TỶ LỆ VIÊM MŨI XOANG Ở CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC Ê ĐÊ – TÂY NGUYÊN

**PHÙNG MINH LƯƠNG ,  
NGUYỄN TẤN PHONG, ĐẶNG TUẤN ĐẠT**

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Viêm mũi xoang (VMX) là một trong những bệnh thường gặp ở nước ta. Ở các nước kinh tế phát triển và quản lý môi trường tốt như Đức , tần suất VMX mãn rất cao , khoảng 5% cộng đồng dân cư. Theo số liệu thống kê năm 1997 ở Hoa Kỳ , tần suất VMX trong cộng đồng dân cư là 15%, thiệt hại hàng năm khoảng 2, 4 tỉ đôla .

VMX ở Việt Nam : 2-5 % dân số. VMX là bệnh thường gặp của TMH , ở các nơi khí hậu nhiệt đới như nước ta VMX càng phổ biến .Dak Lak là cao nguyên, khí hậu: mùa khô và mùa mưa.

Mục tiêu nghiên cứu: xác định tỷ lệ mắc bệnh VMX ở cộng đồng dân tộc Ê Đê- Đắk Lắk.

## ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 1. Đối tượng nghiên cứu.

Cộng đồng dân tộc Ê Đê tỉnh Dak Lak. Thời gian nghiên cứu từ tháng 2/2008- 5/2009.

### 2. Phương pháp nghiên cứu.

- **Thiết kế nghiên cứu** : là 2 nghiên cứu ngang(NCN) để xác định tỷ lệ đang mắc ở cộng đồng người dân tộc Ê Đê :NNC1 vào mùa mưa, NNC2 vào mùa khô

- **Cỡ mẫu**: Nghiên cứu ngang được thực hiện trên những người hiện có mặt trong quần thể [4].

+ Cỡ mẫu nghiên cứu (n) được tính theo công thức

$$\text{sau : } Z^2 \frac{p.q}{(1 - \alpha/2) e^2}$$

với p giả định mắc bệnh VMX là 0,5 => n= 385. Thực tế chúng tôi khám 7508 người.

Cách thức chọn mẫu : chọn ngẫu nhiên , mẫu phân tầng và mẫu chùm . Phương tiện thăm khám: máy nội soi TMH, XQ phim Blondeu , Hirtz.

Số liệu thu thập được sẽ được phân tích xử lý trên Epi-info 6.0.

## KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

**Bảng1: Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu**

	N	Tỷ lệ %		N	Tỷ lệ %
Mùa khí hậu (N = 7508)		Giới (N = 7508)			
Mùa khô	3679	49,0	Nam	3211	42,5
Mùa mưa	3829	51,0	Nữ	4297	57,5

**Bảng 2. Tỷ lệ các bệnh về viêm mũi xoang:**

Các bệnh về mũi xoang		N	Tỷ lệ %
Viêm mũi (N=7508)	Có	551	7,3
	Không	6957	92,7
Viêm mũi dị ứng (N=7508)	Có	981	13,1
	Không	6527	86,9
Viêm xoang	Có	388	5,2
	Không	7102	94,8

**Bảng 3. Bệnh viêm mũi theo mùa, giới và tuổi:**

Viêm mũi (N = 551)							
Mùa (N=551)	N	%	Giới (N=495)		N	%	
Mùa khô	369	67,0	Nam		220	44,4	
Mùa mưa	182	33,0	Nữ		275	55,6	
Nhóm tuổi (N=551)							
	0 – 10 tuổi	11- 20 tuổi	21- 30 tuổi	31- 40 tuổi	41- 50 tuổi	51- 60 tuổi	> 60 tuổi
N	241	150	52	44	26	20	18
%	43,7	27,2	9,4	8,0	4,7	3,6	3,3

**Bảng 4. Mối liên quan giữa tuổi với bệnh viêm xoang :**

N =7508	Viêm họng (N=282)		p
	Có	Không	
0 – 10 tuổi	96 (3,9%)	2341 (96,1%)	0,001
11- 20 tuổi	139 (6,9%)	1863 (93,1%)	
21- 30 tuổi	43 (4,5%)	911 (95,5%)	
31 – 40 tuổi	45 (5,4%)	790 (96,4%)	
41 – 50 tuổi	33 (5,9%)	524 (94,1%)	
51 – 60 tuổi	18 (5,3%)	321 (94,7%)	
> 60 tuổi	14 (3,7%)	364 (96,3%)	

Nhận xét: Có sự khác biệt giữa các nhóm tuổi (p<0,05).

**Bảng 5: Mối liên quan giữa mùa khí hậu với bệnh viêm xoang**

N = 7508	Viêm xoang (N=)		p	OR (95% CI)
	Có	Không		
Mùa khô	206 (5,6%)	3473 (94,4%)	0,098	0,841 (0,686- 1,032)
Mùa mưa	182 (4,8%)	3647 (95,2%)		

Nhận xét: Không có sự khác biệt giữa mùa khô và mùa mưa (p>0,05).

**Bảng 6: Mối liên quan giữa giới với bệnh viêm xoang**

N = 7267	Viêm xoang (N=)		p	OR (95% CI)
	Có	Không		
Nam	164 (5,3%)	2629 (94,7%)	0,867	0,982 (0,798- 1,21)
Nữ	218 (5,2%)	3959 (94,8%)		

Nhận xét: không có sự khác biệt giữa nam và nữ (p>0,05).

## KẾT LUẬN

Tỷ lệ viêm mũi: 7,3%, viêm mũi dị ứng: 13,1%, viêm xoang: 5,2 %.

Viêm mũi xoang : 12,5%. Tỷ lệ VMX khác biệt nhau theo lứa tuổi.

## SUMMARY

Research on proportion of rhinitis at the Ê De ethnic minority community in Western Highland , Viet Nam .

The study was carried out at Dak Lak province. The method used in the study was cross – section survey. Sampling method was random .The cross-sectional survey was in dry season and wet season .After people examination and diseases classification through studying 7508 people in 3 villages from 2/2008-5/2009. Authors obtained the

following results : there was difference in sex : rate of population: male 42,5 % , Female: 57,5%.

Diseases group : Rhinitis: 20,4 % . Sinusitis: 5,2 % . Rhinositis: 12,5%.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hữu Khôi (2005), *Phẫu thuật nội soi mũi xoang*, NXB đại học quốc gia tp HCM, tr: 1- 83.
2. Ngô Ngọc Liên (2006), “Mũi Xoang”, *Giản yếu TMH*, NXB YH, tr: 115- 203.
3. Nguyễn Tấn Phong (1999), *Phẫu thuật nội soi chức năng xoang*, NXB YH, tr: 7- 200.
4. Dương Đình Thiện (2002), *Dịch tễ học lâm sàng* , tập 1, NXB YH, tr 5- 258.
5. Martin Burton, Susanna Leighton, Andrew Robson and John Russell (2000), “Rhinosinusitis”, *Diseases of the Ear, Nose and Throat*, tr: 111- 117.